

Số: 96/2020/QĐST-HNGĐ

Tây Hòa, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh K, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N và anh K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên là B, sinh ngày 26/7/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho chị N sở hữu 16 (mười sáu) chỉ vàng 24K loại 9999 (đã quản lý).

+ Giao cho anh K được quyền sử dụng thửa đất số 88, tờ bản đồ 47 (đo đạc năm 2010), diện tích 80m²; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; địa chỉ: phường X, thành phố S, tỉnh Phú Yên. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 555697, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH 01636, ngày 17/02/2017 cho anh K và chị N; trị giá thửa đất: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Anh K có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai theo quy định.

+ Anh K có trách nhiệm trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị N số tiền: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Chị N phải chịu: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và 9.420.000 đồng (Chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tài sản được hưởng (vàng 4.800.000đ/chỉ). Tổng cộng: 9.570.000 đồng (Chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng). Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số AA/2015/0010751 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, nên chị N còn phải nộp: 9.270.000đ (Chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

+ Anh K phải chịu: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tài sản được hưởng. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 10.116.000 đồng (Mười triệu một trăm mười sáu nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số AA/2015/0014317 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, nên hoàn lại cho anh K: 116.000đ (Một trăm mười sáu nghìn đồng).

- Về chi phí định giá: Tổng chi phí 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh K và chị N, mỗi người phải chịu: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn P (Chứng nhận kết hôn số 70/2013, quyển 02/2012 Ngày 10/7/2013);
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huệ